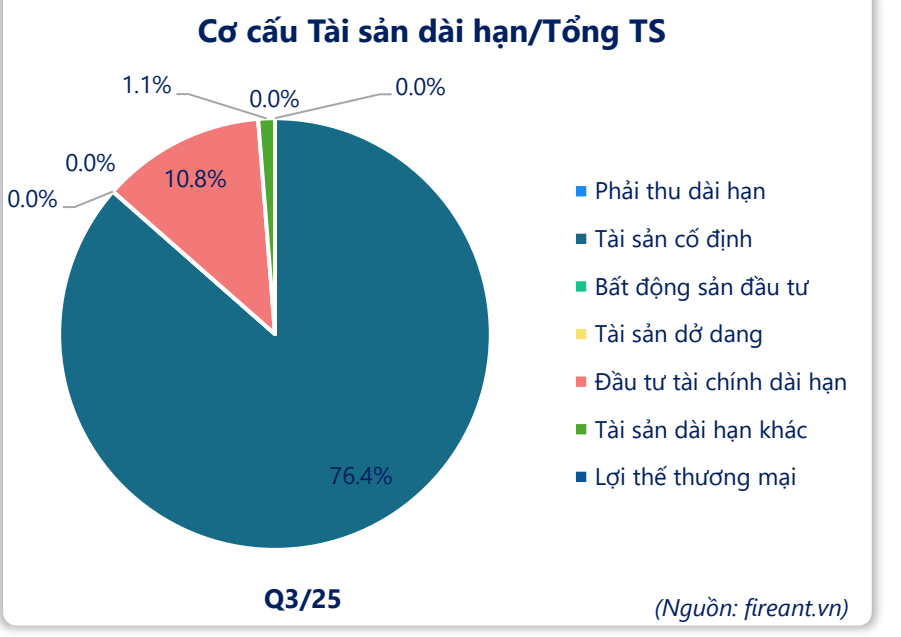
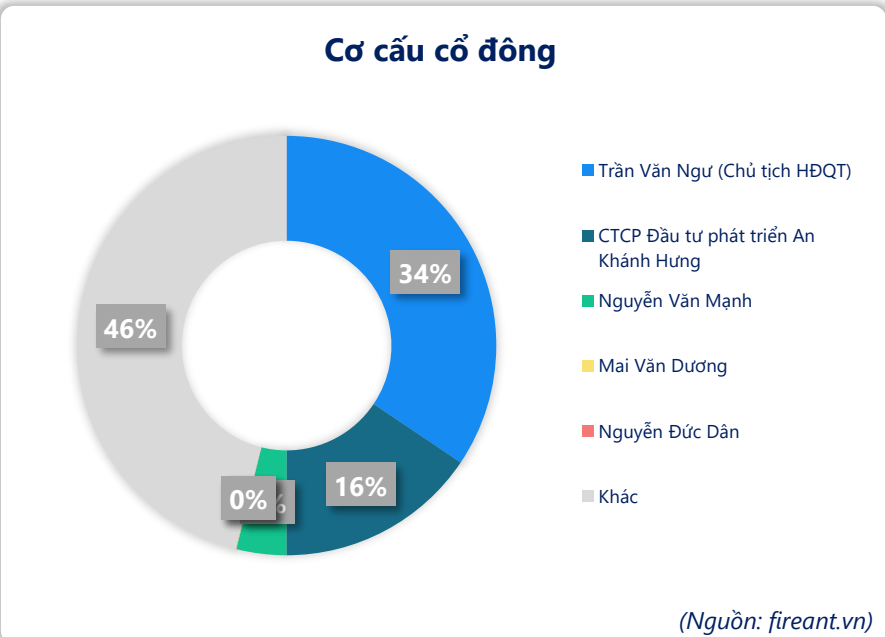
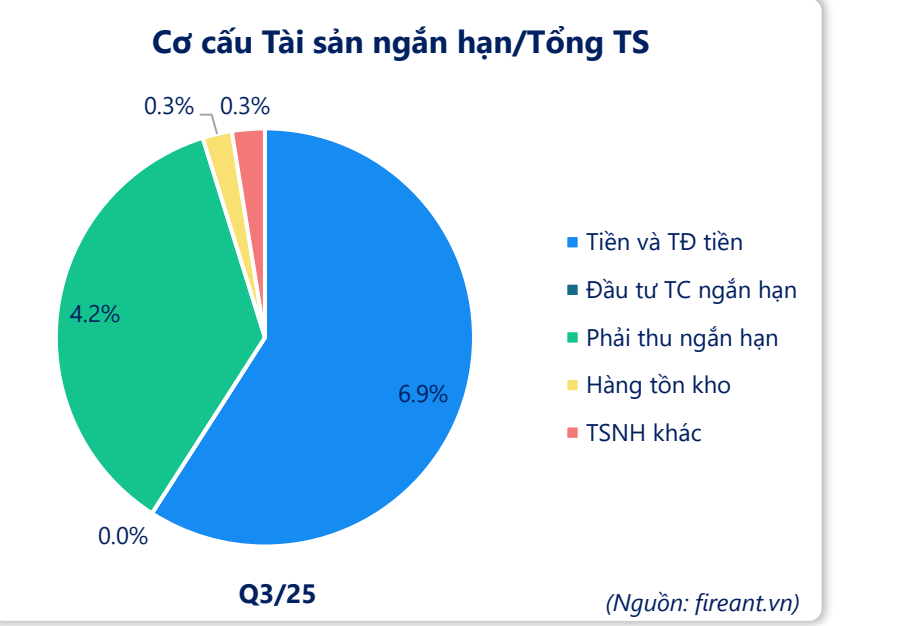
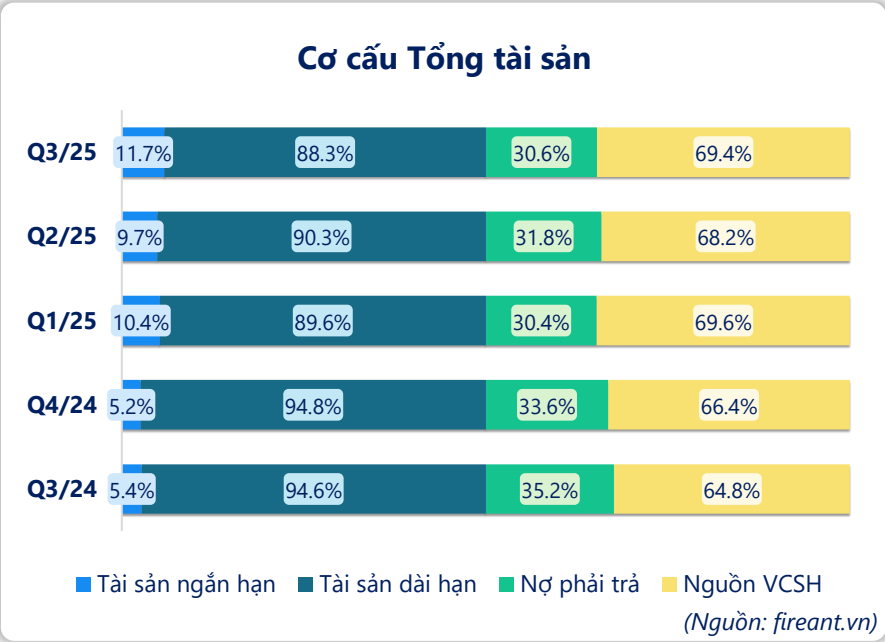
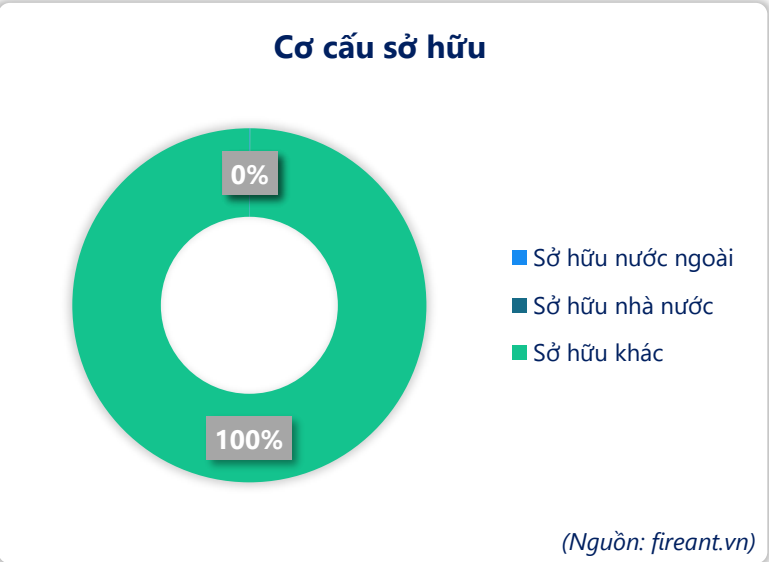
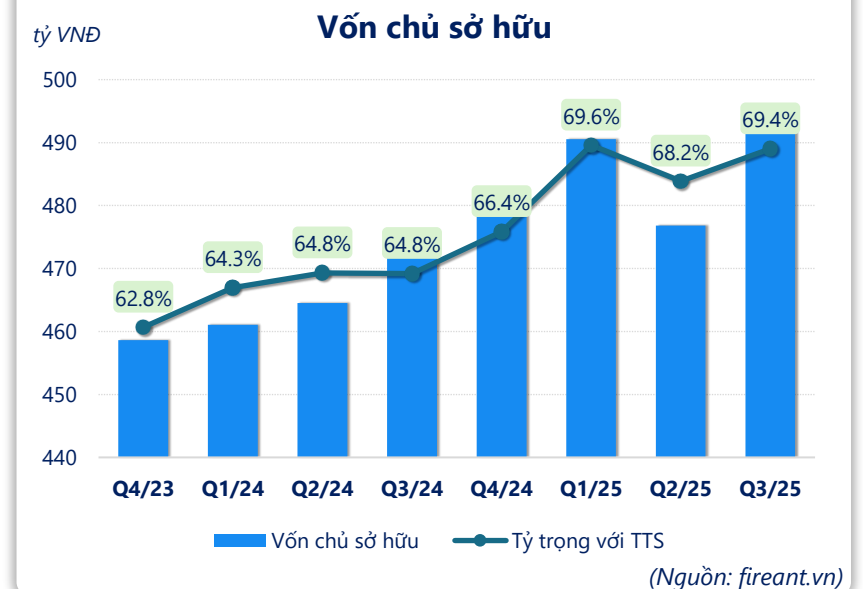
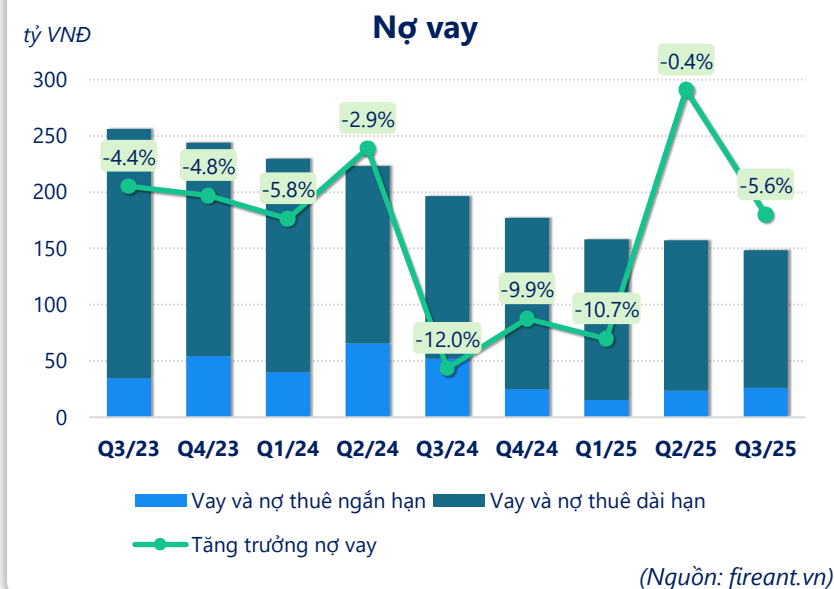
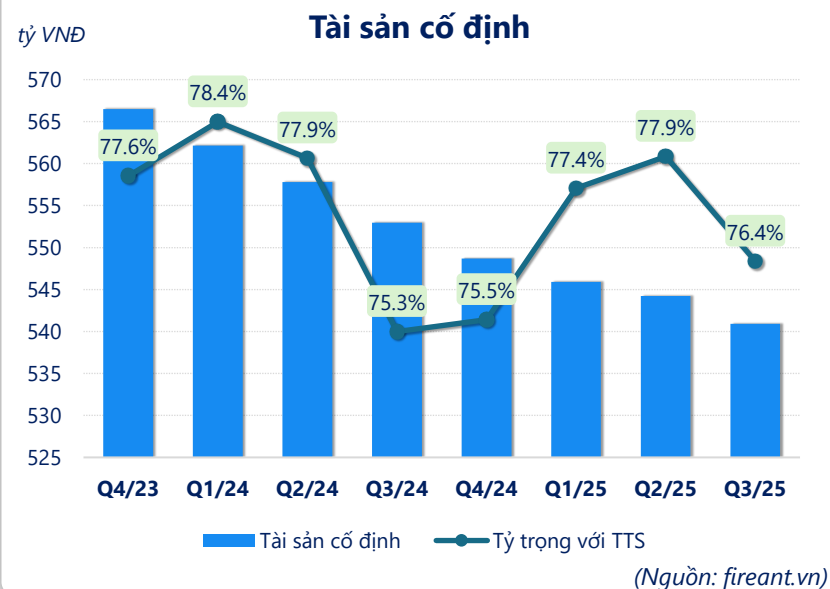
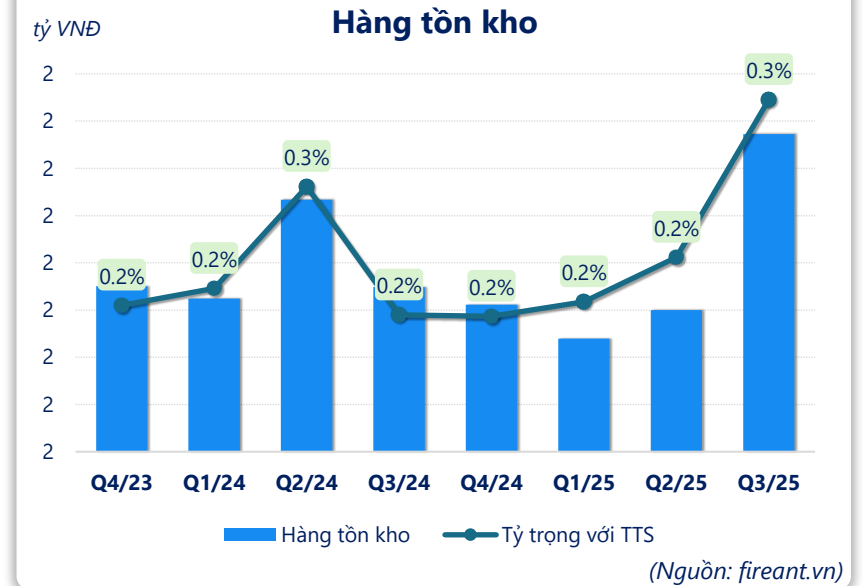
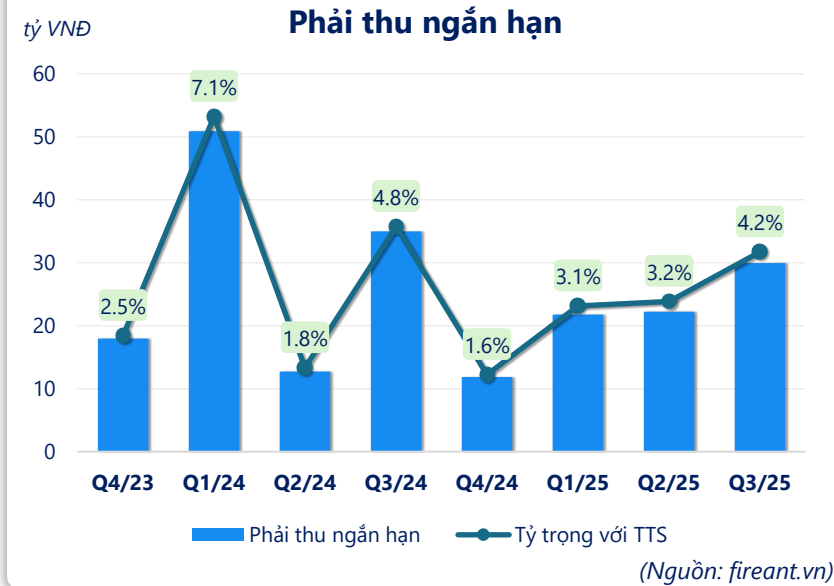
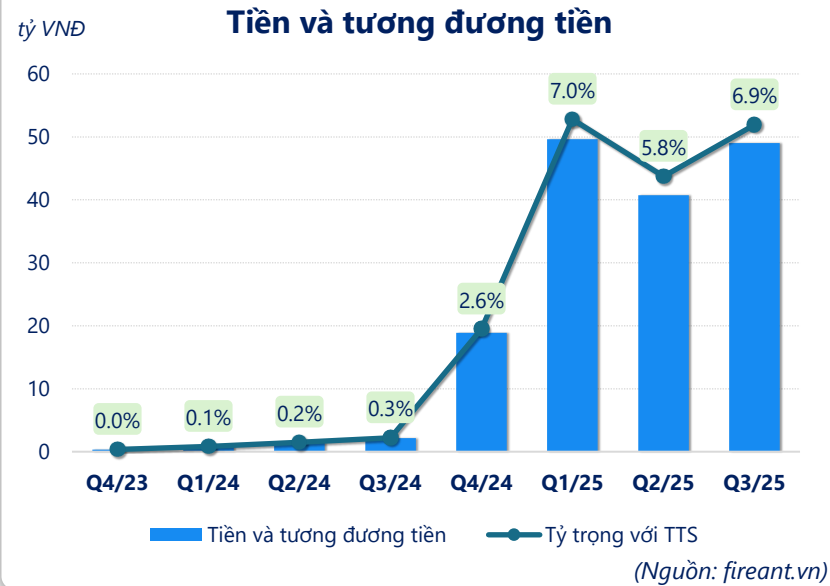
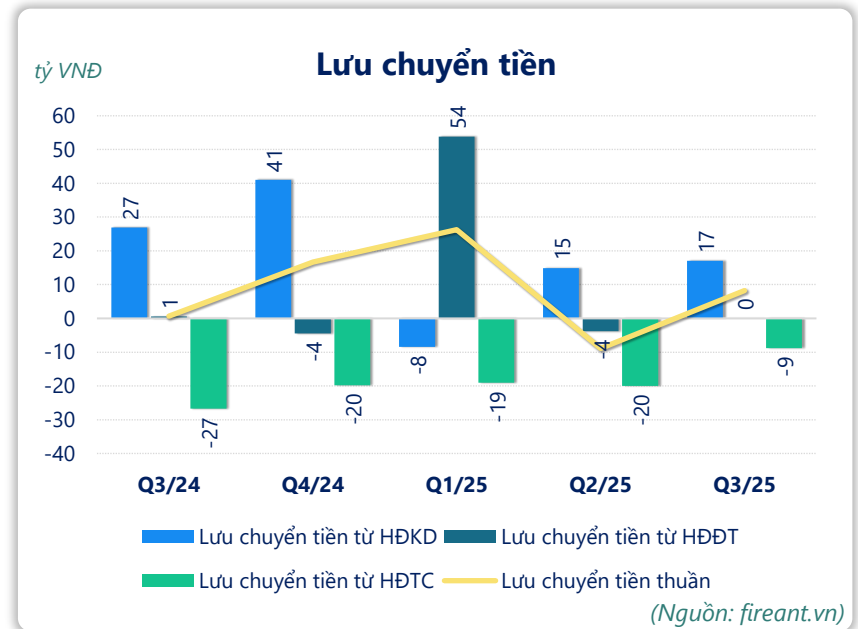
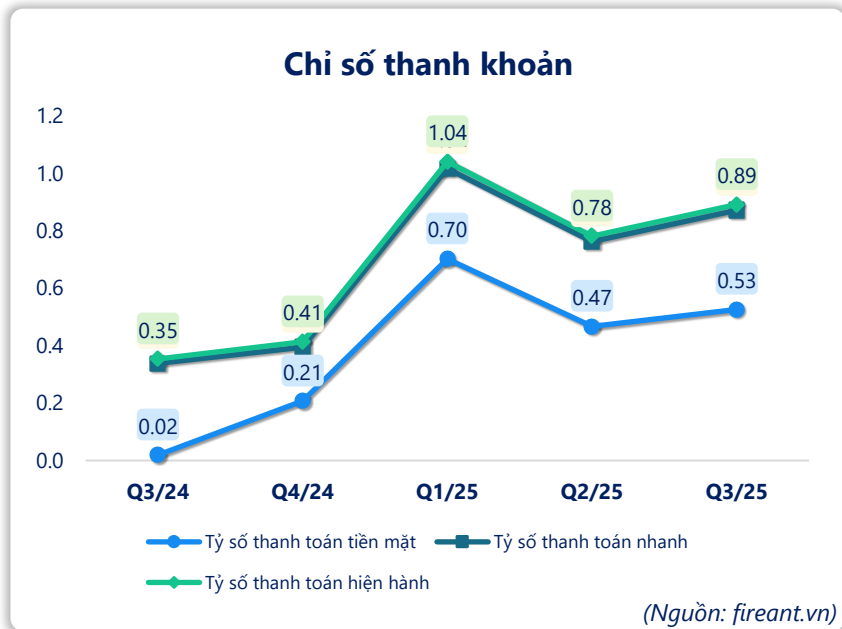
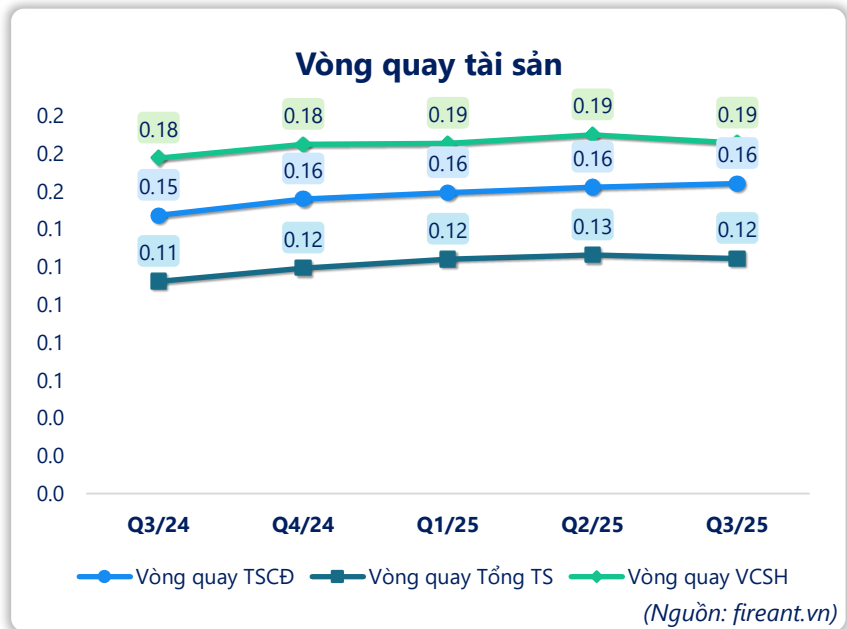
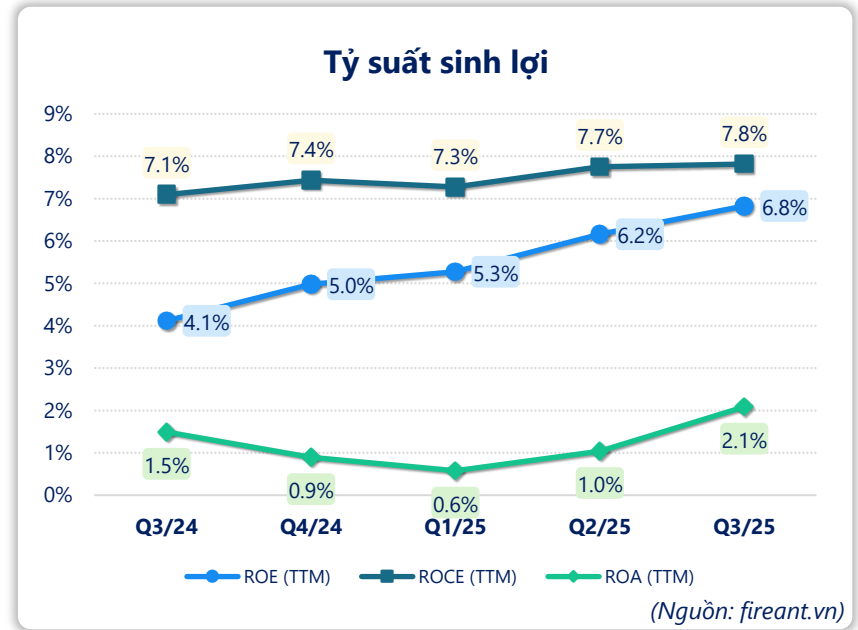
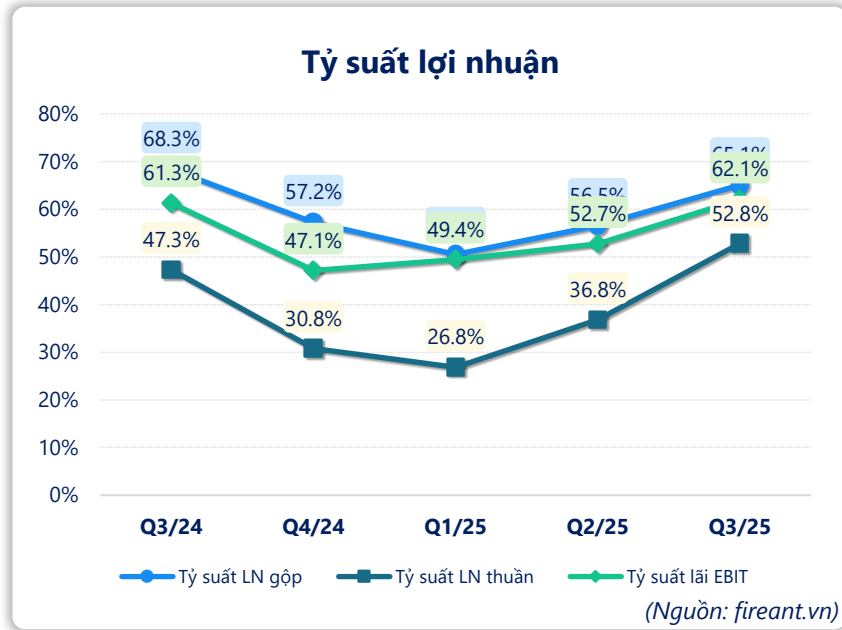
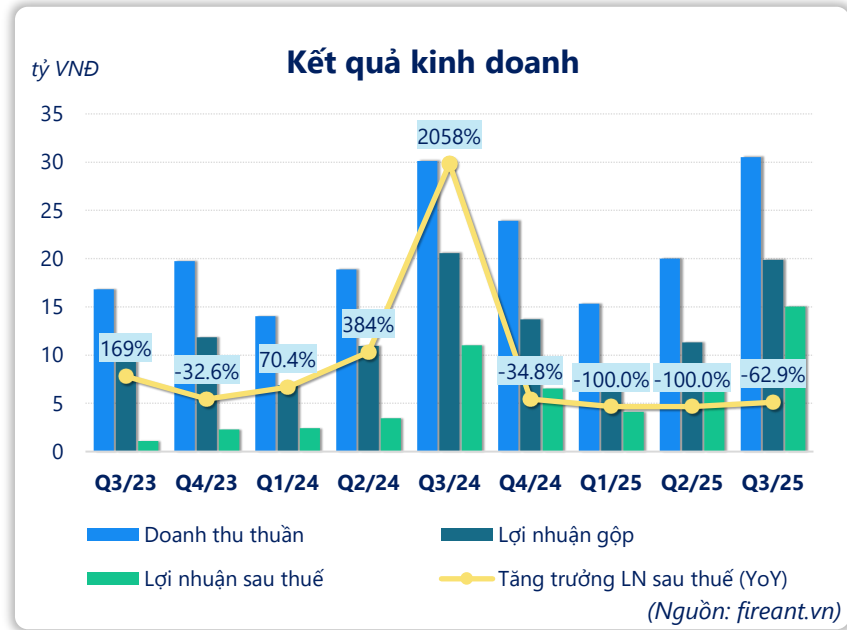


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,522
SL cổ phiếu LH		40,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		101,965
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		279
P/E		8.5
EPS		815

	YTD	1T	3T	6T
NED	2.4%	-2.8%	-2.8%	2.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	708	728	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	83.0	38.5	115%
Tiền và tương đương tiền	49.0	23.4	110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	30.0	12.7	135%
Hàng tồn kho	1.89	1.71	10.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.10	0.72	192%
Tài sản dài hạn	625	689	-9.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	541	549	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	76.7	131	-41.3%
Tài sản dài hạn khác	7.80	9.68	-19.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	217	241	-10.2%
Nợ ngắn hạn	93.1	87.9	5.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.2	24.9	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.93	7.75	-36.3%
Nợ dài hạn	123	153	-19.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	122	152	-19.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	492	486	1.1%
Vốn chủ sở hữu	492	486	1.1%
Vốn điều lệ	405	405	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	30.1	23.9	15.3	20.0	30.5
Giá vốn hàng bán	9.53	10.2	7.58	8.70	10.6
Lợi nhuận gộp	20.6	13.7	7.74	11.3	19.9
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	1.37	1.54	0.80
Chi phí TC	4.58	3.93	3.47	3.31	2.82
Chi phí lãi vay	4.58	3.93	3.47	3.18	2.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.76	2.41	1.53	2.17	1.73
LN thuần từ HĐKD	14.2	7.36	4.11	7.37	16.1
Lợi nhuận khác	-0.37	-0.01	0.00	-0.01	0
LN trước thuế	13.9	7.35	4.11	7.36	16.1
Lợi nhuận sau thuế	11.0	6.52	4.11	7.36	15.0
LNST của CĐ cty mẹ	11.0	6.52	4.11	7.36	15.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.9	41.0	-8.45	14.9	17.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.55	-4.50	53.8	-3.79	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.7	-19.8	-19.1	-20.0	-8.85
Tiền đầu kỳ	1.45	2.15	23.4	49.6	40.7
Lưu chuyển tiền thuần	0.71	16.7	26.3	-8.89	8.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.15	18.9	49.6	40.7	49.0

(Nguồn: fireant.vn)